

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH HỌC TUẦN 18- 19- 20

STT	NỘI DUNG	LƯU Ý
1	<p><u>Từ vựng</u> at home: ở nhà, at the zoo: ở sở thú, on the beach: trên bãi biển, in the school library: trong thư viện trường, at the park: trong công viên.</p>	<p>☆ Động từ đuôi (ed): paint (vẽ) ⇒ painted (đã vẽ) play (chơi) ⇒ played (đã chơi) water (tưới nước) ⇒ watered (đã tưới nước) ...</p>
2	<p><u>Cấu trúc câu</u> ☞ Where were you yesterday? (Bạn đã ở đâu ngày hôm qua?) - I was at home. (tôi đã ở sở thú) ☞ What did you do there? (bạn đã làm gì ở đó?) - I watched TV. (Tôi đã xem ti vi)</p>	<p>Chú ý: sử dụng đúng các giới từ in, on, at,.. và sử dụng động từ đuôi (ed) trong câu trả lời.</p>
	<p>☞ Where were they yesterday? (Họ đã ở đâu ngày hôm qua?) - They was at home. (Họ đã ở sở thú) ☞ What did they do there? (Họ đã làm gì ở đó?) - They watched TV. (Họ đã xem ti vi)</p>	<p>Chú ý: sử dụng đúng các giới từ in, on, at,.. và sử dụng động từ đuôi (ed) trong câu trả lời.</p>
	<p>☞ Where were she/ he yesterday? (Cô ấy/ anh ấy đã ở đâu ngày hôm qua?) - She/ he was at home. (Cô ấy/ anh ấy đã ở sở thú) ☞ What did she/ he do there? (Cô ấy/ anh ấy đã làm gì ở đó?) - She/ he watched TV. (Cô ấy/ anh ấy đã xem ti vi)</p>	<p>Chú ý: sử dụng đúng các giới từ in, on, at,.. và sử dụng động từ đuôi (ed) trong câu trả lời.</p>
	<p>☞ What time is it? : Bây giờ rồi nhỉ? - It's seven : Bảy giờ rồi. - It's seven twenty/ It's twenty past seven: 7 giờ 20 phút. - It's seven forty- five/ It's fifteen to eight: 7 giờ 45/ tám giờ kém mười lăm.</p>	<p>☆ <u>Cách nói giờ:</u> • It's + giờ +phút • Số phút + past + số giờ: (cách nói số giờ hơn) • Số phút + to+ số giờ: (cách nói số giờ kém)</p>




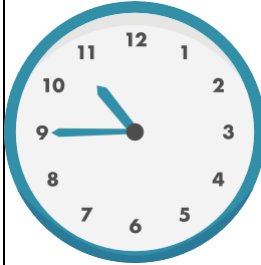



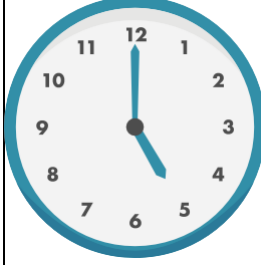
BÀI TẬP BỔ TRỢ

Name:
 Class:
 School:

1/ Odd one out

- | | | | |
|-----------------|----------------|-------------|-------------|
| 1. A. home | B. school | C. homework | D. cave |
| 2. A. second | B. hour | C. minute | D. o'clock |
| 3. A. swam | B. played | C. went | D. does |
| 4. A. morning | B. swimming | C. cooking | D. dancing |
| 5. A. Thursday | B. Monday | C. April | D. Sunday |
| 6. A. five | B. fifth | C. third | D. first |
| 7. A. on | B. do | C. in | D. at |
| 8. A. their | B. I | C. her | D. his |
| 9. A. stamp | B. sand castle | C. make | D. model |
| 10. A. skipping | B. surfing | C. reading | D. listened |

2/ What time is it ?

 1. It's a half past five	 2. _____	 3. _____	 4. _____
 5. _____	 6. _____	 7. _____	 8. _____

3. Circle the best answer:

1. Where they yesterday?

- a. were b. was c. do d. did
2. She at the zoo?
- a. were b. was c. is d. go
3. What time is?
- a. now b. it c. this d. b and c is correct
4. She played the beach.
- a. on b. in c. at d. to
5. What he there yesterday afternoon?
- a. does/do b. Do/ does c. did/ do d. do/ did
6. Whathe like doing in his free time? - He likes flying kites.
- a. is b. does c. do d. hobby
7. It's fifteen eleven.
- a. and b. to c. on d. at
8. What did she do yesterday? – Shewith her friends.
- a. skipping b. skiped c. skipp d. skipped
9. It's ten ten.
- a. o'clock b. past c. p.m d. a.m
10. What are you doing?- Imy homework.
- a. am doing b. doing c. do d. did

4. Reorder the sentences (Sắp xếp lại những câu sau)

- 1 / to/ went / school/ I/ library/ yesterday/.
-
2. She/ a/ yesterday/ painted/ beautiful/ morning/ picture/.
-
3. grandmother/ trees/ in/ morning/ watered/ the/ My/ garden/ this/ the/
-
4. listened/sister/ my/ music /to /in / I/ bedroom/my/ with.
-
5. were/ Tom/yesterday/ afternoon/ Where/ ?/.
-

5. Read and match:

1. Where were you yesterday?	1. ___	a. I visited my grandparents.
2. What can your father do?	2. ___	b. Yes, he can.
3. What's your hobby?	3. ___	c. It's nine twenty.
4. What did you do on last Sunday morning?	4. ___	d. Ok. Let's go.
5. What time does he get up?	5. ___	e. I was at the Art Club.
6. Can your grandfather ride a bike?	6. ___	f. I like sailing a boat and making models.
7. It's time to go to walk, Daddy.	7. ___	g. He can play chess, football and cook.
8. What time is it?	8. ___	h. He gets up at 7 o'clock.

6. Read the text and write the correct answer for each blank.

Hello everybody! My name is John. I get up at six every day. I take a bath then I eat a small breakfast. I go to school (1) _____ seven o'clock. I have (2) _____ from 7.30 to 11.00. I go home at 11.10. At half past eleven, I have lunch. (3) _____ the afternoon, I do my exercise and learn English vocabularies. In the evening, I (4) _____ television and do my homework. I go (5) _____ bed at ten o'clock.

7. Fill in the blank with suitable words.

on, at, at, of, from, danced, went, painted, on

1. I go to school _____ Mondays to Fridays.
2. We don't go to school _____ Saturdays and Sundays.
3. My brother _____ at the K- pop Club last night.
4. She doesn't get up _____ 6 o'clock in this morning.
5. They _____ to five different places in London.
6. There are many pictures _____ the wall. Some girls _____ them yesterday.
7. My birthday is on the fifteenth _____ August.
8. The boys play football _____ school every day.

